



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

Ngày 30/06/2025	17,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	35.4%	14.3%	34.4%

DT thuần Q2/25
68.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.70 9.2%
YoY: ▲ 6.40 10.5%

LN thuần Q2/25
3.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.60 18.1%
YoY: ▲ 3.64 1300%

LN sau thuế Q2/25
3.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.30 10.8%
YoY: ▲ 2.90 1263%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
6.8%
YoY: +/- ▲ 0.1%

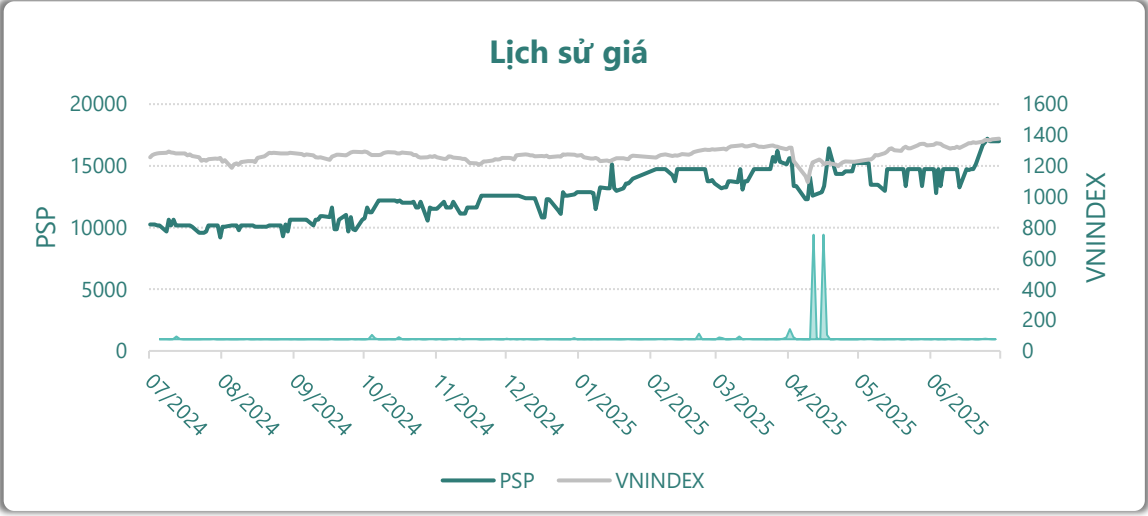
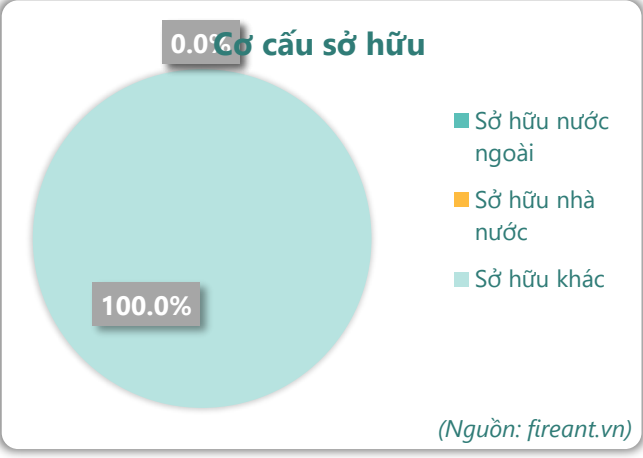
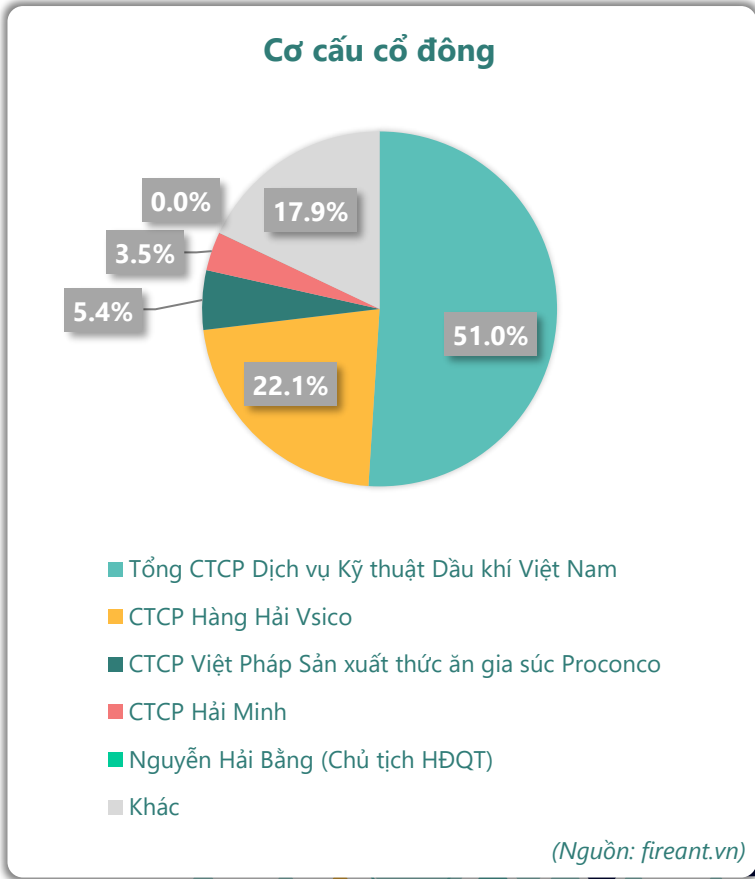
ROE (TTM) Q2/25
2.3%
YoY: +/- ▲ 0.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,193 - 17,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	692
Số lượng CPLH (CP)	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,550
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.28
EPS	270
P/E	64.2

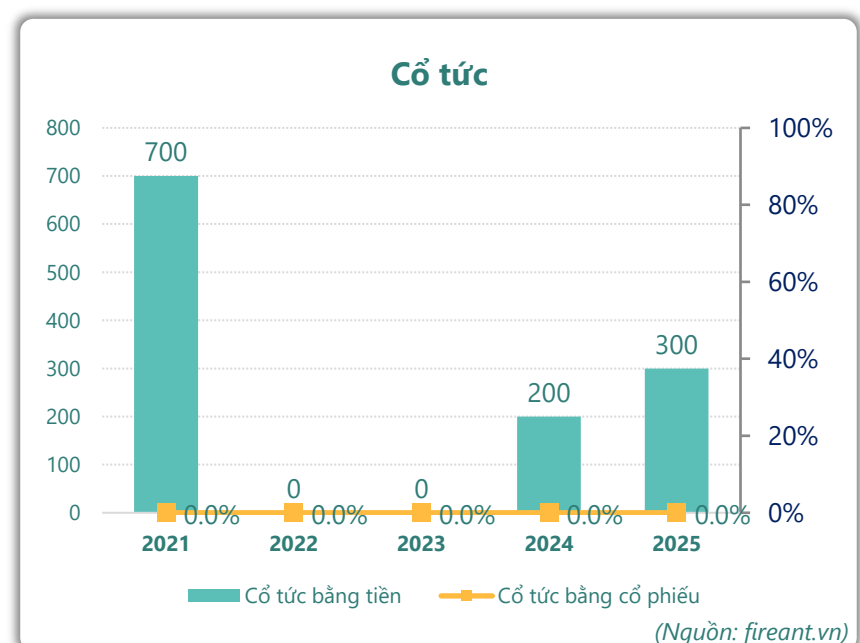
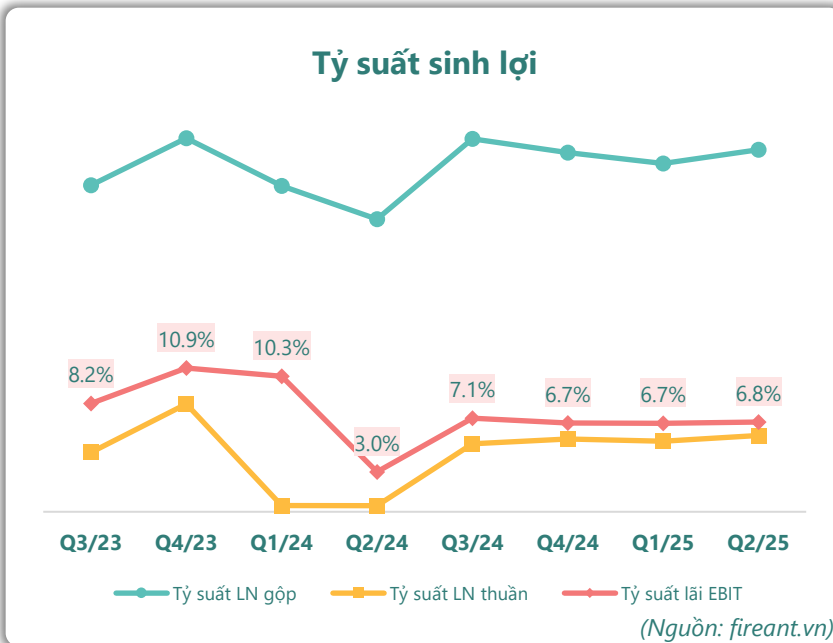
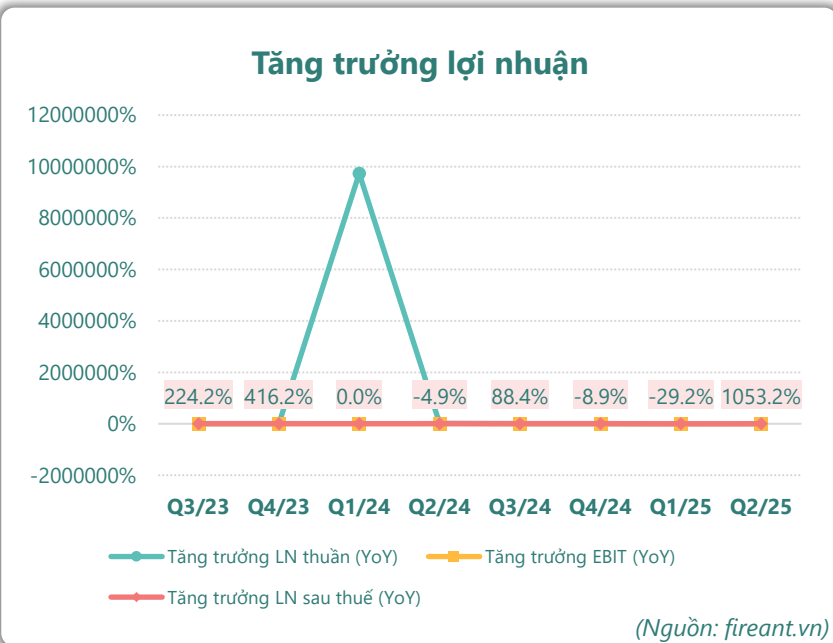
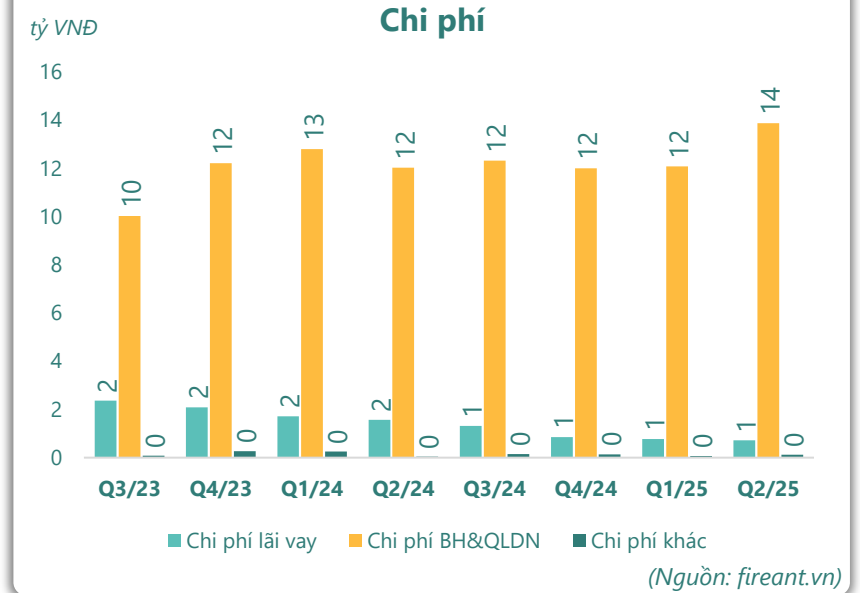
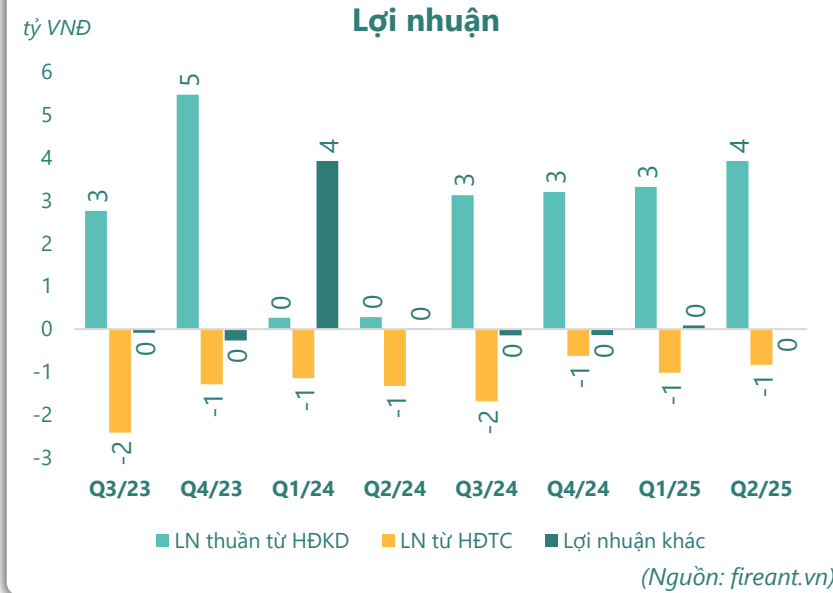
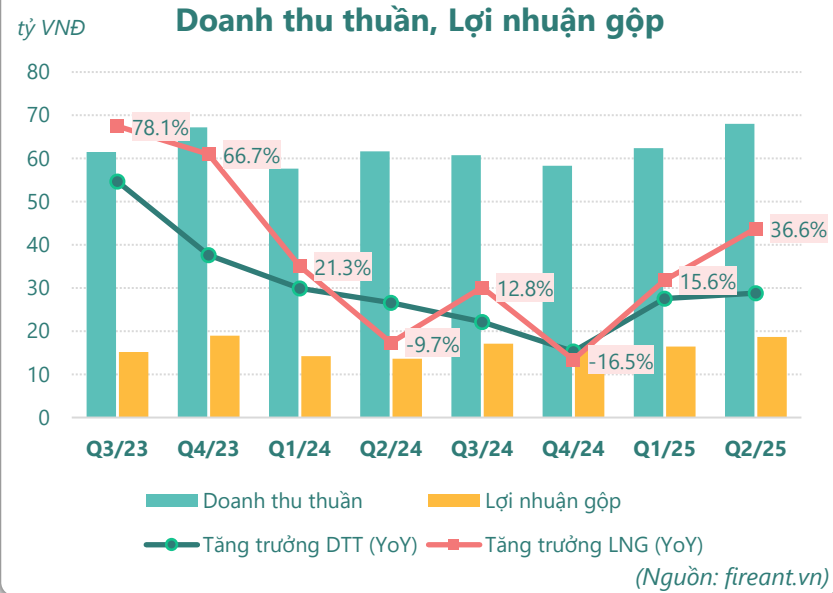
DT thuần 6T 2025
130
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0 9.3%

LN thuần 6T 2025
7.24
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.69 1213%

LN sau thuế 6T 2025
5.96
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.36 65.5%



KẾT QUẢ KINH DOANH



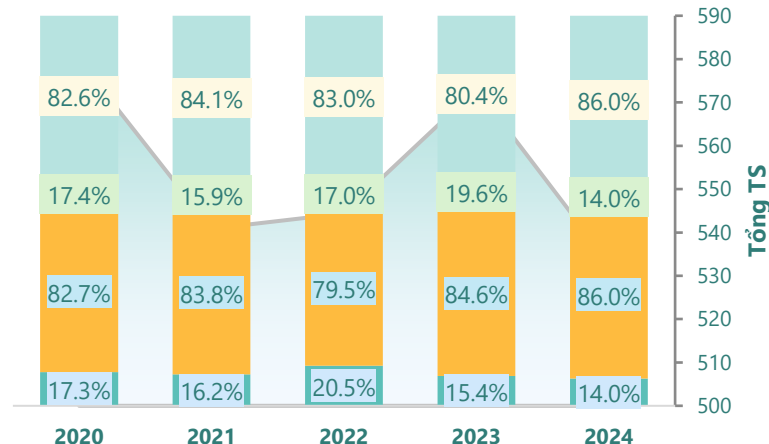


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

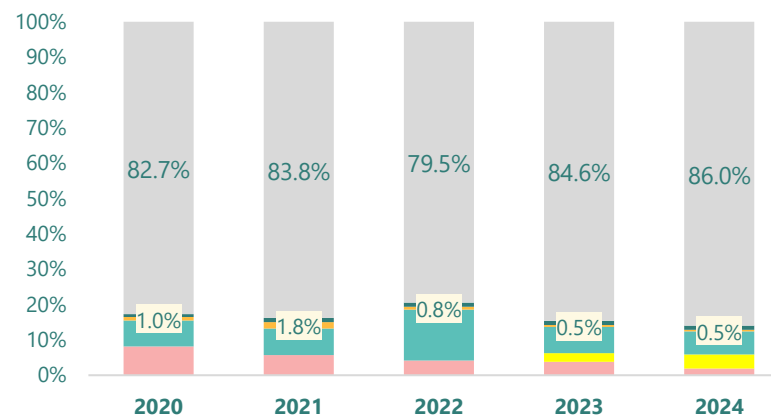
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

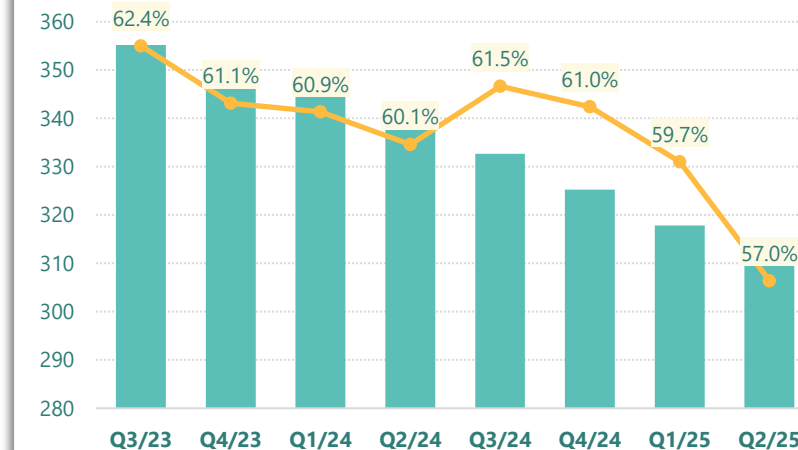


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ Phải thu ngắn hạn ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

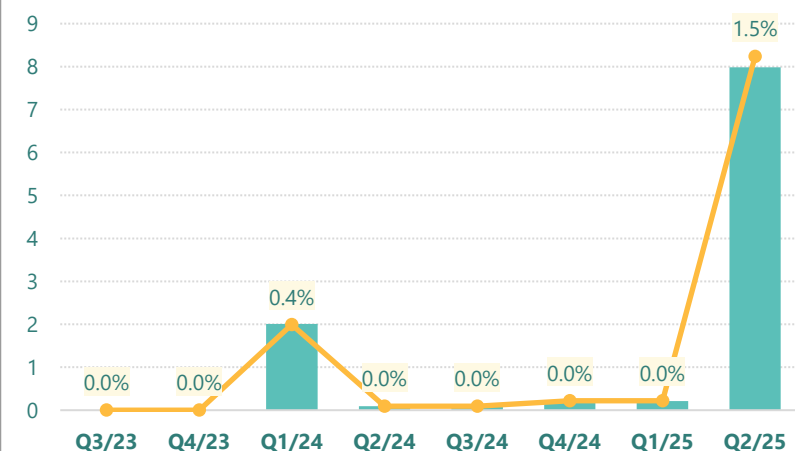


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

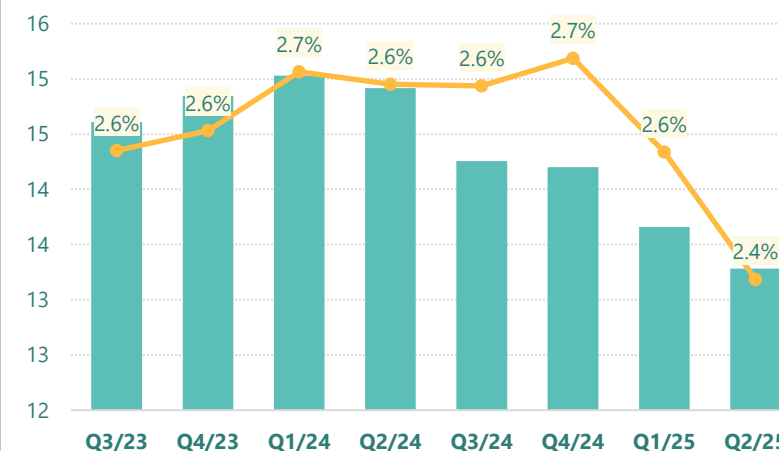


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

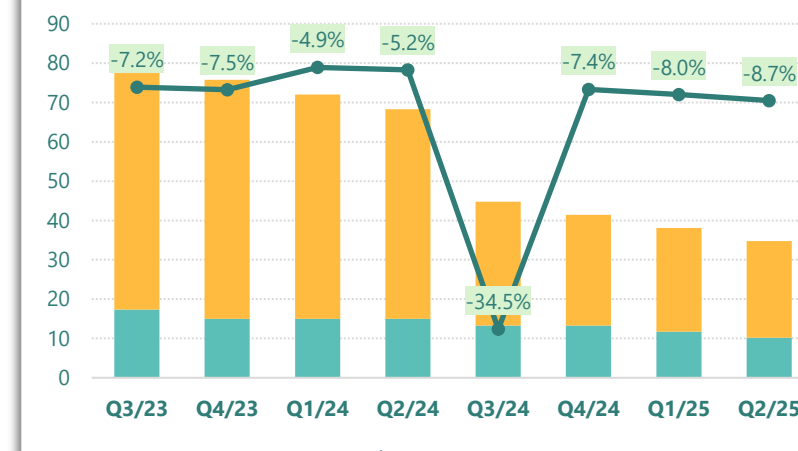


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

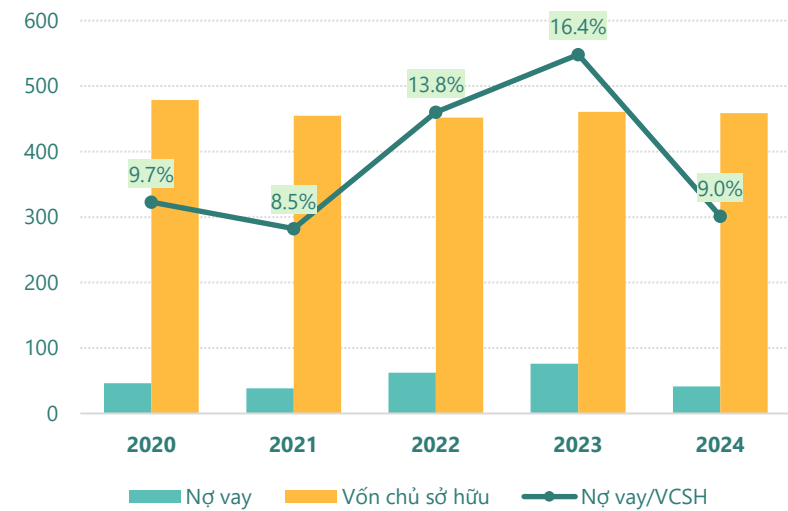
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

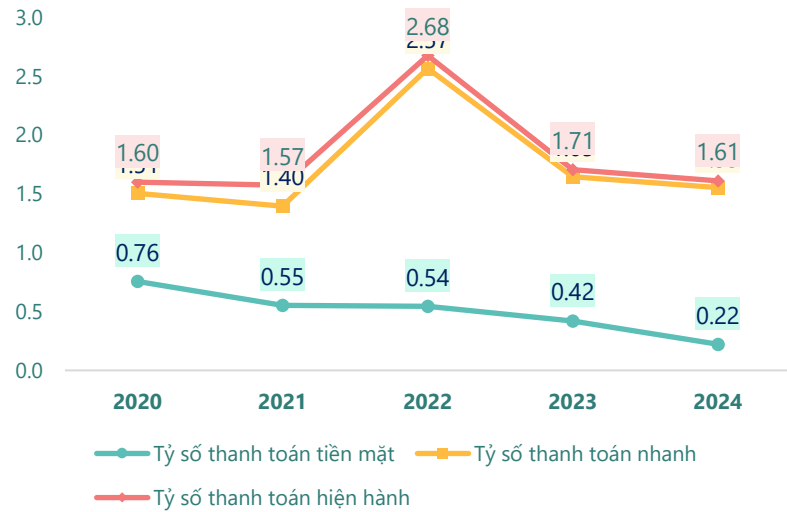
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



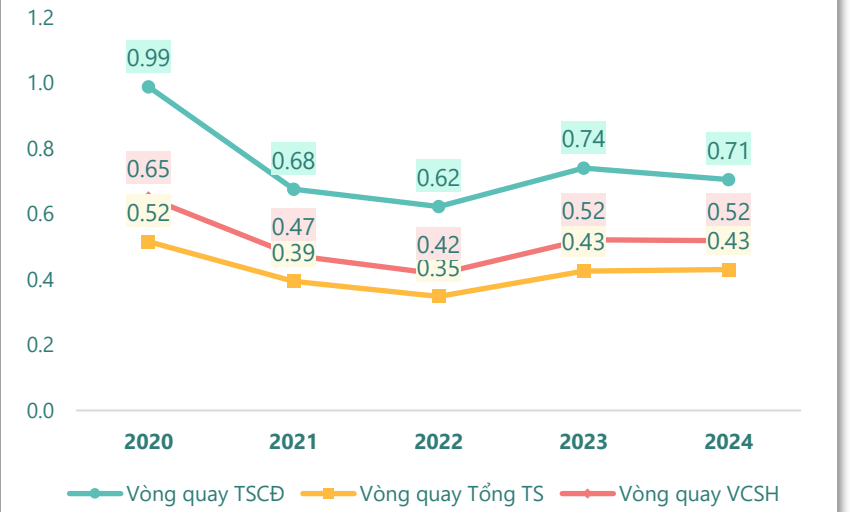
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



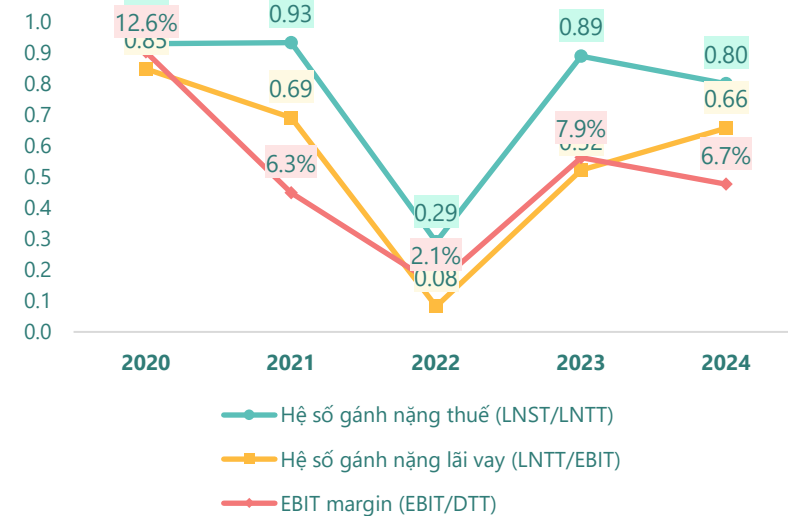
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



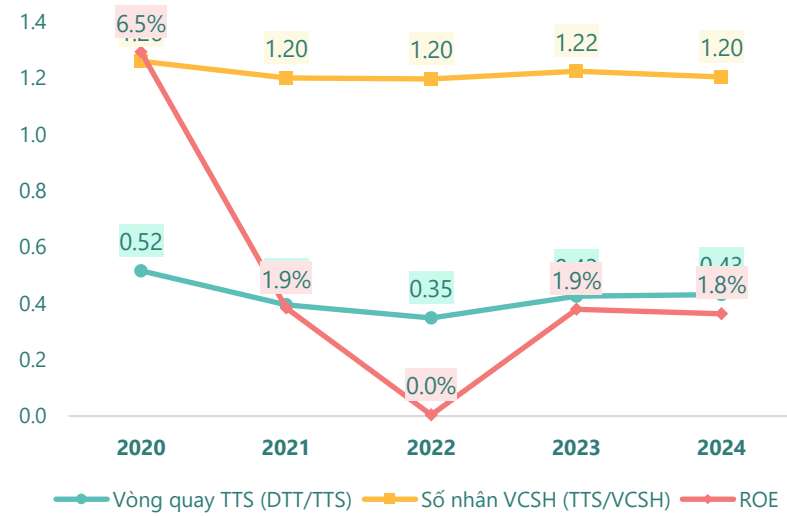
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

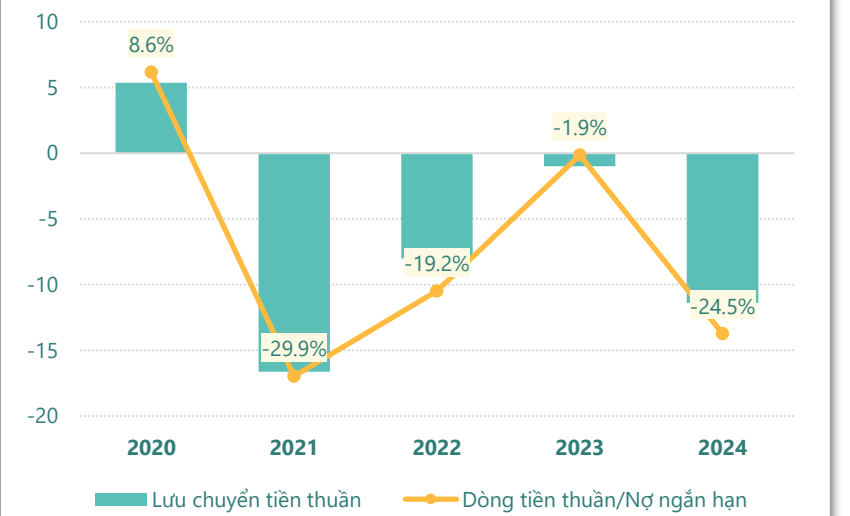
Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	68.0	61.6	10.5%	130	119	9.3%
Giá vốn hàng bán	49.4	48.0	2.9%	95.3	91.4	4.3%
Lợi nhuận gộp	18.6	13.6	37.0%	35.1	27.9	25.9%
Doanh thu HĐTC	0.26	0.38	-31.0%	0.55	0.77	-28.1%
Chi phí TC	1.10	1.70	-35.4%	2.41	3.24	-25.6%
Chi phí lãi vay	0.71	1.57	-54.6%	1.48	3.28	-54.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	8.70	7.84	11.0%	16.4	15.8	3.5%
Chi phí QLDN	5.17	4.20	23.1%	9.59	9.02	6.4%
LN thuần từ HĐKD	3.92	0.28	1300%	7.24	0.55	1213%
Lợi nhuận khác	-0.02	0.01	-252%	0.07	3.94	-98.3%
LN trước thuế	3.91	0.29	1247%	7.31	4.49	62.9%
Lợi nhuận sau thuế	3.13	0.23	1263%	5.96	3.60	65.5%
LNST của CĐ cty mẹ	3.13	0.23	1263%	5.96	3.60	65.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.56	11.1	4.68	19.3	-3.16	18.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.59	-9.56	9.71	-6.90	0.06	-0.93
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.75	-3.76	-23.6	-10.6	-3.80	-3.33
Tiền đầu kỳ	21.7	20.0	17.7	8.49	10.3	3.43
Lưu chuyển tiền thuần	-1.78	-2.27	-9.18	1.84	-6.89	14.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.01	0	-0.01	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	20.0	17.7	8.49	10.3	3.43	17.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	545	533	2.3%
Tài sản ngắn hạn	95.4	74.8	27.5%
Tiền và tương đương tiền	17.6	10.3	70.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.0	21.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	48.1	34.7	38.6%
Hàng tồn kho	3.79	2.60	45.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.89	6.22	-21.4%
Tài sản dài hạn	450	458	-1.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	311	325	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.99	0.21	3703%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.3	14.2	-6.5%
Tài sản dài hạn khác	118	119	-0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	83.0	74.6	11.3%
Nợ ngắn hạn	58.4	46.5	25.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.2	13.3	-23.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.9	17.3	49.9%
Nợ dài hạn	24.6	28.1	-12.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	24.6	28.1	-12.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	462	458	0.8%
Vốn chủ sở hữu	462	458	0.8%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

